

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 456/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 31/12/2024

V/v Ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thu Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Hạnh; Bà Mai Thị Thảo.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phùng Thị Mai – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Phan Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 545/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 536/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27 tháng 11 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 368/2024/QĐST-HNGĐ ngày 13/12/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Hữu K, sinh năm 1979; Địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện N, tỉnh Hải Dương.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1986; Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn T, xã Q, huyện N, tỉnh Hải Dương; Hiện đang ở: Cộng hòa liên bang Đ.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Bà Dương Thị M, sinh năm 1963; Địa chỉ: Thôn X, xã H, huyện T, tỉnh Hưng Yên.

Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn xin vắng mặt nguyên đơn anh Nguyễn Hữu K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 27/11/2007 tại UBND xã Q, huyện N, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn anh và chị S chung sống ở thôn T, xã Q, huyện N, tỉnh Hải Dương. Quá trình vợ chồng chung sống cũng có những lúc xảy ra bất đồng quan điểm, xô xát nhưng anh chị vẫn cố gắng chung sống hòa thuận. Đến năm 2022 thì mâu thuẫn nghiêm trọng nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế, nuôi dạy con cái, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, xúc phạm và làm tổn thương nhau, không khí gia đình luôn căng thẳng làm ảnh hưởng đến tâm lý của các con. Gia đình đã nhiều lần tổ chức hòa giải cho anh chị nhưng sau đó vợ chồng vẫn không khắc phục được mâu thuẫn. Đầu năm 2024 chị S có ý định đi sang Cộng hòa liên bang Đ lao động, anh không đồng ý nhưng chị S vẫn tìm mọi cách để đi. Đến tháng 9/2024 chị S sang Đức, từ đó chị S không liên lạc về cho anh, không còn quan tâm đến anh nữa. Đến nay anh xác định mâu thuẫn giữa anh và chị S đã trầm trọng, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị S.

Về con chung: Anh và chị S có hai con chung là Nguyễn Thị Khánh L, sinh ngày 26/7/2009 và Nguyễn Hữu T, sinh ngày 10/12/2012. Do các con đều có nguyện vọng được ở với chị S nên anh nhất trí và đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho chị S nuôi dưỡng, anh sẽ cấp dưỡng nuôi con theo quy định. Chị S đang ở nước ngoài nên đề nghị tạm giao cho mẹ đẻ chị S là bà Dương Thị M nuôi dưỡng trong thời gian chị S lao động ở nước ngoài.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do công việc bận nên anh đề nghị Tòa án cho anh được vắng mặt toàn bộ quá trình tố tụng và vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị M trình bày: Bà là mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị S. Chị S hiện đang lao động tại Cộng hòa liên bang Đ. Chị S vẫn liên lạc với bà qua điện thoại nhưng không cho bà biết địa chỉ của chị S ở đó nên bà không cung cấp được cho Tòa án. Chị S, anh K kết hôn năm 2007 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Q. Sau khi kết hôn vợ chồng chị S chung sống ở thôn T, xã Q, huyện N, tỉnh Hải Dương. Quá trình vợ chồng chung sống xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế, nuôi dạy con cái. Gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên bảo, động viên nhưng anh chị vẫn không khắc phục được mâu thuẫn. Đến tháng 9/2024 chị S sang Cộng hòa liên bang Đ lao động. Từ đó vợ chồng không còn liên lạc với nhau.

Đến nay anh K có đơn xin ly hôn chị S, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định. Về con chung: Chị S và anh K có 2 con chung là Nguyễn Thị Khánh L, sinh ngày 26/7/2009 và Nguyễn Hữu T, sinh ngày 10/12/2012. Trước khi chị S đi sang Đ đã đưa hai cháu về ở cùng với bà cho đến nay. Chị S có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung và ủy quyền cho bà chăm sóc các cháu cho đến khi chị S về nước. Bà nhất trí với quan điểm của chị S. Tòa án yêu bà nhận văn bản tố tụng thay cho chị S, bà đã thông báo cho chị S biết, chị S có quan điểm nhất trí ly hôn và xin được nuôi cả hai con, do chị không về được nên đề nghị Tòa án cho chị S được vắng mặt.

Cháu Nguyễn Thị Khánh L, Nguyễn Hữu T trình bày: Nếu bố mẹ các cháu ly hôn, các cháu xin được ở với mẹ là Nguyễn Thị S.

Theo xác minh tại Cục Q: Chị Nguyễn Thị S xuất cảnh lần gần nhất ngày 25/9/2024, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên toà sơ thẩm:

Các đương sự đều vắng mặt, tại đơn xin vắng mặt anh K giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương trình bày việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên toà chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng: Đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập họp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt họ là đúng pháp luật. Về đường lối giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Xử cho anh Nguyễn Hữu K ly hôn chị Nguyễn Thị S; Về con chung: Giao 2 con chung là Nguyễn Thị Khánh L, Nguyễn Hữu T cho chị S trực tiếp nuôi, anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung, mỗi con là 2.500.000đ/tháng x 2 con = 5.000.000đ/tháng; Tạm giao cháu L, cháu T cho bà Dương Thị M chăm sóc cho đến khi chị S về Việt Nam. Về án phí: Anh K phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Nguyễn Thị S có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại thôn T, xã Q, huyện N, tỉnh Hải Dương hiện đang làm việc, sinh sống tại Cộng hòa liên bang Đ. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Nguyên đơn anh Nguyễn Hữu K và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị M có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Bị đơn chị Nguyễn Thị S đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hữu K, chị Nguyễn Thị S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 27/11/2007 tại UBND xã Q, huyện N, tỉnh Hải Dương là hôn nhân hợp pháp. Anh K xác định mâu thuẫn của anh và chị S đã trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị S. Chị S đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc, không thể hiện quan điểm về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà M là mẹ đẻ của chị S xác định quá trình anh chị chung sống đã xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, gia đình nhiều lần hòa giải mâu thuẫn nhưng không thành. Như vậy có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh K, chị S đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh K, xử cho anh K được ly hôn với chị S.

[2.2] Về quan hệ con chung: Anh K, chị S có 2 con chung là Nguyễn Thị Khánh L, sinh ngày 26/7/2009 và Nguyễn Hữu T, sinh ngày 10/12/2012. Anh K đề nghị giao cả hai con cho chị S nuôi dưỡng anh sẽ cấp dưỡng nuôi con theo quy định. Xét thấy cháu Khánh L, cháu Hữu T đều đã trên 7 tuổi, các cháu có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Bà M trình bày chị S có nguyện vọng được nuôi hai con chung và ủy quyền cho bà chăm sóc các cháu trong thời gian chị S lao động ở nước ngoài. Do đó HĐXX, giao cả 2 con chung cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng. Anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị S mỗi con là 2.500.000đ/tháng,

kể từ tháng 01/2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Tạm giao con chung Nguyễn Thị Khánh L, Nguyễn Hữu T cho bà Dương Thị M nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi chị Nguyễn Thị S về Việt Nam.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu do đó HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Anh K là nguyên đơn và phải cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hữu K, xử cho anh Nguyễn Hữu K ly hôn chị Nguyễn Thị S.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Thị Khánh L, sinh ngày 26/7/2009 và Nguyễn Hữu T, sinh ngày 10/12/2012 cho chị Nguyễn Thị S trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh Nguyễn Hữu K cấp dưỡng nuôi con chung, mỗi con là 2.500.000đ/tháng x 2 con = 5.000.000đ/tháng, kể từ tháng 01/2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh K được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

Tạm giao con chung Nguyễn Thị Khánh L, Nguyễn Hữu T cho bà Dương Thị M nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi chị Nguyễn Thị S về Việt Nam.

Kể từ khi chị S có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con mà anh K không thi hành khoản tiền trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468

Bộ luật dân sự. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Án phí: Anh Nguyễn Hữu K phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng, tổng bằng 600.000đ, được đối trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai ký hiệu BLTU/23 số 0005242 ngày 21 tháng 10 năm 2024 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương, còn phải nộp 300.000đ.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Dương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Q, N;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Đoàn Thị Thu Thúy